

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Phú**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Đình Thung**.
- Bà **Nguyễn Thị Nhàn**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 387/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1975 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1983 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị B và anh H bắt đầu chung sống từ năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 106/2008 ngày 16/6/2008. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra gây gổ, anh H không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu, chửi mắng, hành hung chị B. Chị B đã khuyên nhủ

nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, đến năm 2021 thì vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có một 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 14/4/2005, hiện đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị B không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Trần Quốc H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị B yêu cầu ly hôn với anh H nên đây là tranh chấp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã B, huyện Gò Công Tây, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B, anh H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2008 ngày 16/6/2008 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị B trình bày trong quá trình chung sống, giữa chị và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được nên chị B yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án trong đó có nêu rõ yêu cầu được ly hôn của chị B cùng các tài liệu, chứng cứ của chị B giao nộp cho anh H, đồng thời triệu tập anh H để trình bày ý kiến và tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H vắng mặt. Điều đó cho thấy anh H không phản đối yêu cầu của chị B, không có thiện chí và nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, giữa anh H và chị B không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị B và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị B và anh H có 01 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 14/4/2005 hiện đã trưởng thành và lao động được, chị B và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị B, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Quốc H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012592 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị B đã nộp xong án phí.

Anh Trần Quốc H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B, anh Trần Quốc H vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Mỹ Hội Đông,
huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thanh Phú